

# THU HẬP KHOẢNG CÁCH GIỮA SẢN PHẨM ĐÀO TẠO VÀ NHU CẦU CỦA NHÀ TUYỂN DỤNG

TS ĐOÀN HỒNG LÊ\*

**1. Chuyên ngành quản trị kinh doanh vẫn là đối tượng quan tâm hàng đầu của người học và nhà tuyển dụng**

Xu thế hội nhập và tự do hóa thương mại càng thúc đẩy nhanh việc hình thành và phát triển các loại hình công ty. Không kể các doanh nghiệp mở rộng hoạt động mà các doanh nghiệp mới thành lập cũng tăng lên. Theo thống kê, chỉ tính trong tháng 01 - 2010 cả nước có khoảng 5.800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2009<sup>1</sup>. Chưa kể còn có hàng nghìn doanh nghiệp đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh, mở rộng lĩnh vực hoạt động trong cùng thời điểm. Điều này cho thấy, xu hướng tìm cơ hội kinh doanh mới đang nóng lên trong giới doanh nghiệp. Theo một khảo sát mới đây nhất, nhu cầu tuyển dụng nhóm ngành kinh tế - quản trị kinh doanh (QTKD) vẫn ở đầu bảng trong các vị trí tuyển dụng (bảng 1). Trong đó, yêu cầu người tốt nghiệp phải có trình độ đại học (78,6%) là chủ yếu, còn lại các trình độ khác là cao đẳng (10,5%), trung cấp nghề (11%)<sup>2</sup>.

**Bảng 1: Tỷ lệ các vị trí tuyển dụng**

| Nhóm ngành                    | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------|-----------|
| Kinh tế - quản trị kinh doanh | 23,6      |
| Kế toán - kiểm toán           | 12,8      |
| Ngoại ngữ                     | 10,9      |
| Điện - điện tử                | 8,7       |
| Khách sạn, nhà hàng, du lịch  | 4,2       |
| Tài chính - ngân hàng         | 3,9       |
| Xây dựng                      | 3,9       |
| Y                             | 3,2       |
| Kiến trúc                     | 2,9       |
| Công nghệ thông tin           | 2,7       |
| Cơ khí                        | 2,6       |
| Hóa chất                      | 2,0       |
| Cơ điện tử                    | 2,0       |

Nguồn: <http://tuoitre.vn><sup>3</sup>

\* Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng

1. Hải Yến: Doanh nghiệp Việt bùng nổ sau khủng hoảng, Tạp chí Tài chính, 17 - 5 - 2010.

2,3. Lê Thị Thanh Mai: Nhóm ngành kinh tế vẫn thu hút thí sinh, <http://tuoitre.vn/>, 23 - 02 - 2010.

Với thực tế đó, chuyên ngành cử nhân QTKD của hệ thống đào tạo ở nước ta luôn thu hút một khối lượng áp đảo học sinh hàng năm dự thi đại học. Thực tế tuyển sinh qua các năm cho thấy, năm nhóm ngành thu hút học sinh là kinh doanh chiếm đến 10,8%, tiếp đến là đào tạo giáo viên (9,3%), kế toán - kiểm toán (8,4%), tài chính - ngân hàng - bảo hiểm (7,5%), ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (4,3%). Trong nhóm ngành kinh doanh gồm QTKD, marketing, kinh doanh quốc tế, kinh doanh, thương mại, thì chỉ riêng ngành QTKD chiếm tỉ lệ 9,94% (bảng 2). Không riêng ở nước ta, số lượng học sinh ngành QTKD hàng năm của các trường nước ngoài đều chiếm ưu thế so với các ngành học khác. Vì vậy, các trường đại học trên thế giới thường coi khoa QTKD của họ như “con bò sữa”, bói lợi nhuận thu được của trường chủ yếu từ số tiền học phí rất lớn mà sinh viên QTKD phải trả và các khoản tiền do các

doanh nghiệp đặt hàng đào tạo cử nhân QTKD và thạc sĩ QTKD (MBA) cho khoa QTKD.

Số liệu trên cho thấy QTKD luôn là mục tiêu hàng đầu của 2 đối tượng: người học và nhà tuyển dụng.

## 2. Thực trạng đào tạo quản trị kinh doanh những năm qua

### Những điều đã làm được

Trong những năm qua đào tạo cử nhân QTKD của hệ thống các trường đại học, cao đẳng của nước ta đã có nhiều nỗ lực cung cấp cho xã hội một khối lượng lớn các cử nhân QTKD. Nhìn chung các sinh viên sau khi tốt nghiệp đã nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, QTKD, quản trị doanh nghiệp; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh và QTKD; biết tạo lập doanh nghiệp mới. Một số môn học chuyên ngành cũng được đầu tư đúng mức như marketing, pháp luật kinh tế, pháp luật kinh doanh quốc tế, nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê kinh tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, thanh toán quốc tế, thuế và phí...

Chương trình đào tạo cử nhân QTKD của một số trường đại học còn được nâng cấp mở rộng thêm để phù hợp với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới. Đặc biệt sinh viên tốt nghiệp QTKD có thể làm việc được ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả trong môi trường kinh doanh quốc tế, ở các lĩnh vực phức tạp và đầy thách thức như đầu tư quốc tế, kinh doanh xuất nhập khẩu, phân tích tài chính và thị trường, marketing và huy động tín dụng quốc tế... Bên cạnh trang bị kiến thức cho người học, chương trình đào tạo cử nhân QTKD đã chú trọng phát triển đạo đức, nhân cách và các kỹ năng cần thiết khác. Kết quả khảo sát chung những người lao động đã qua đào tạo ở 2.000 doanh nghiệp cho thấy, trong những ưu điểm của người lao động, khả năng “nắm vững kiến thức cơ bản của nghề được đào tạo” được nhà tuyển dụng đánh giá cao nhất (chiếm 40%). Tiếp đó là nắm vững chuyên môn kỹ thuật của công việc thực tế (12%); khả năng thích nghi thực tế (12%); thái độ cầu tiến (10%); những khả năng khác như sự sáng tạo, khả năng giao tiếp, ứng xử... (0,8%); tác phong năng động (0,7%)...<sup>5</sup>

**Bảng 2: 20 nhóm ngành có số lượng thí sinh dự thi đông nhất**

| Nhóm ngành                                           | Tỉ lệ (%) | Xếp hạng |
|------------------------------------------------------|-----------|----------|
| Kinh doanh                                           | 10,78     | 1        |
| Đào tạo giáo viên                                    | 9,30      | 2        |
| Kế toán - kiểm toán                                  | 8,43      | 3        |
| Tài chính - ngân hàng - bảo hiểm                     | 7,52      | 4        |
| Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài                       | 4,33      | 5        |
| Nông nghiệp                                          | 3,98      | 6        |
| Công nghệ thông tin                                  | 3,50      | 7        |
| Xây dựng                                             | 3,32      | 8        |
| Kinh tế học                                          | 3,32      | 9        |
| Y học                                                | 3,07      | 10       |
| Luật                                                 | 2,80      | 11       |
| Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống            | 2,75      | 12       |
| Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông       | 2,52      | 13       |
| Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường | 2,38      | 14       |
| Khoa học môi trường                                  | 2,20      | 15       |
| Sinh học ứng dụng                                    | 2,17      | 16       |
| Điều dưỡng, hộ sinh                                  | 1,94      | 17       |
| Công nghệ kỹ thuật cơ khí                            | 1,76      | 18       |
| Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông                 | 1,71      | 19       |
| Dịch vụ y tế                                         | 1,58      | 20       |

Nguồn: <http://tuoitre.vn/><sup>4</sup>

4. Lê Thị Thanh Mai: Nhóm ngành kinh tế vẫn thu hút thí sinh, <http://tuoitre.vn/>, 23 - 02 - 2010.

5. Nguyễn Như: Nhà tuyển dụng cần gì ở ứng viên, *YouMe*, 23 - 4 - 2009.



### *Những điểm yếu cần hoàn thiện*

Tuy nhiên, sản phẩm đào tạo QTKD vẫn còn một khoảng cách xa so với nhu cầu của doanh nghiệp. Mặc dù đã cố gắng, nhưng các nhà tuyển dụng vẫn không thu nạp được những sinh viên tốt nghiệp BBA như mong đợi. Theo các nhà tuyển dụng, số lượng tuyển dụng tỷ lệ thuận với chất lượng của sinh viên cũng đồng nghĩa với đầu vào của các doanh nghiệp càng ít bao nhiêu thì đầu ra của các khoa QTKD càng ít bấy nhiêu. Tình trạng thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, có kỹ năng quản trị ngày càng trầm trọng, nhất là các vị trí chủ chốt trong công ty. Đặc biệt, thiếu nhân lực trình độ cao trong các ngành nghề thuộc QTKD như marketing - bán hàng - quảng cáo; nhóm ngành quản trị tài chính - ngân hàng; nhóm ngành dịch vụ - du lịch - hành chính... Các ngành này chiếm khoảng 40% tổng nhu cầu lao động trên thị trường và mức tăng trưởng phải đạt khoảng 50%/năm mới đáp ứng được nhu cầu. Thậm chí, có nhiều vị trí của một số công ty nhiều năm vẫn không tuyển được ứng viên nào. Không riêng các doanh nghiệp Việt Nam mà các công ty nước ngoài cũng đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm

nhân viên và cán bộ quản lý các cấp.<sup>6</sup>

### *Phải đào tạo lại mới làm được việc*

Trước hết, chất lượng của sinh viên tốt nghiệp là vấn đề trở ngại hàng đầu đối với các nhà tuyển dụng. Hàng năm các khoa QTKD cung cấp cho xã hội một số lượng rất lớn sinh viên tốt nghiệp, nhưng số được tuyển dụng vẫn ít. Phần lớn sinh viên ra trường còn yếu kém về kỹ năng làm việc và kinh nghiệm thực tế. Các doanh nghiệp cho biết, qua phỏng vấn tuyển dụng cho thấy có nhiều sinh viên đạt kết quả học tập cao nhưng lại không quen làm việc theo nhóm hoặc chưa biết cách diễn đạt, trình bày ý tưởng của mình trước tập thể... Qua khảo sát 100 doanh nghiệp thì 85% cho biết, họ phải mất trung bình 3 - 6 tháng để đào tạo lại các sinh viên tốt nghiệp mới có thể đáp ứng được yêu cầu tối thiểu công việc. Cá biệt, có công ty cho rằng phải mất tới 2 năm để đào tạo lại.<sup>7</sup>

Kết quả điều tra cũng cho thấy, người lao động mới được tuyển dụng còn thiếu rất nhiều kỹ năng

6,7. Đan Thảo: Thành phố Hồ Chí Minh: Nhân lực quản trị kinh doanh: thiếu và yếu, Giáo dục & Thời đại online, 28 - 01 - 2010.

cần thiết. Trong đó, thiếu kinh nghiệm, chuyên môn và kỹ năng mềm (38%); thiếu hiểu biết về các khía cạnh kinh tế và điều kiện sản xuất kinh doanh (20%); kiến thức ngoại ngữ và tin học chưa đáp ứng yêu cầu (20%); ít động lực làm việc, năng suất thấp, không có tinh thần trách nhiệm (0,9%); kiến thức xã hội hạn chế (0,5%).<sup>8</sup>

Có nhiều yêu cầu của nhà tuyển dụng rất đơn giản nhưng các cử nhân QTKD không làm được như thành lập công ty hoặc chi nhánh công ty; soạn thảo hợp đồng kinh tế hoặc hợp đồng ngoại thương, làm thủ tục hải quan đối với một lô hàng xuất nhập khẩu hoặc thực hiện giao nhận hàng hóa từ cảng về kho công ty. Nhiều kiến thức sơ đẳng nhưng nhiều tân cử nhân không nắm được như nhượng quyền kinh doanh (franchise) là gì, phương thức giao hàng xuất khẩu CY (Container Yard) hay CFS (Container Freight Station) như thế nào, container có bao nhiêu loại? Thậm chí, nhiều lớp QTKD quốc tế đã tốt nghiệp ra trường nhưng không biết cảng hoặc cửa khẩu như thế nào, chưa nói đến một lần được đặt chân lên bất cứ một con tàu hàng nào.

*Nguyên nhân sâu xa, nội dung đào tạo và chất lượng dạy - học*

Nhìn chung sản phẩm đào tạo QTKD vẫn còn hạn chế, chưa thỏa mãn được nhu cầu xã hội mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khả năng thích ứng của chương trình đào tạo QTKD. Theo các nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD chỉ được đào tạo những kiến thức chung chung, thiếu các chuyên môn cụ thể nên khó bố trí công việc. Sự yếu kém về trình độ kiến thức chuyên môn cũng như năng lực, phẩm chất lao động, tinh thần trách nhiệm, sự trung thực của sinh viên, trước hết thuộc về các cơ sở đào tạo. Đào tạo QTKD thường nặng về lý thuyết, ít thực hành, chưa gắn kết giữa yêu cầu phát triển của thị trường lao động và nội dung đào tạo; đội ngũ giảng viên vừa yếu về chất lượng vừa thiếu về số lượng; giảng viên chủ yếu giảng về lý thuyết, thiếu kiến thức thực tế, trong lúc các môn học về QTKD rất cần phải truyền đạt về kinh nghiệm thực tế. Chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy chưa cập nhật, cách tổ chức dạy học còn mang tính thủ công, chưa thiết lập mối quan hệ giữa trường đại học và thị trường lao động. Thậm chí, tình trạng có tính phổ biến là các trường chỉ biết đào tạo, không cần biết

sản phẩm của mình có đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp hay không. Cho đến nay, rất ít có một đơn vị đào tạo QTKD nào đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

*Chương trình đào tạo dàn trải, ít chuyên sâu*

Nhìn chung, chương trình đào tạo QTKD còn khá nặng nề, cứng nhắc, thiếu tính thực tiễn, chiếm quá nhiều thời gian lên lớp về lý thuyết, rất ít giờ bài tập, giờ hoạt động ngoại khóa và giờ tự học, tự nghiên cứu.

Về chương trình khung ngành QTKD, mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép các trường linh động khoảng 50% số môn học tùy thuộc vào trường, nhưng trong thực tế, chương trình đào tạo QTKD của các trường không khác nhau nhiều, vẫn mang tính rập khuôn đã định sẵn. Phần lớn đều có một số chuyên ngành như quản trị học, quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chất lượng, quản trị sản xuất, marketing, tin học quản trị, Anh văn chuyên ngành... Đáng chú ý là chương trình ít được chia thành các chuyên ngành nhỏ gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp như tiếp thị, quản lý nhân sự, quản lý và tổ chức sản xuất, tài chính, kế toán thực hành...

So với các sinh viên ngành khác, sinh viên ngành QTKD học rất nhiều môn, nhưng mỗi môn chỉ dừng lại ở kiến thức tổng quát theo kiểu cái gì cũng biết một chút, thiếu chuyên sâu và thực tế nên khi giao việc cụ thể sinh viên không làm được, phải đào tạo lại. Trong lúc đó, một số môn học các doanh nghiệp rất quan tâm như phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, kỹ năng sales (bán hàng), kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phương pháp làm việc độc lập và làm việc theo nhóm,... nhưng ít được giảng dạy hoặc không bắt buộc sinh viên phải học và làm bài tập theo nhóm, chấm điểm theo nhóm. Đây là những môn học thật sự cần thiết cho sinh viên mới tốt nghiệp ra trường, thường tìm đến những công việc như nhân viên bán hàng, nghiên cứu viên các hoạt động marketing... và là cơ sở để nghiên cứu, học tập tiếp sau này.

Một số môn học thể hiện tính hiện đại rất cần cho các công ty như ứng dụng máy tính, công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán kinh doanh; các môn học thương mại điện tử, tiếp thị qua Internet để

8. [www.saga.vn](http://www.saga.vn): Kỹ năng mềm có thể trở thành môn học bắt buộc?, 30 - 5 - 2009.

giảm thiểu thời gian và các chi phí... nhưng chưa được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học QTKD của nước ta.

Trình độ tiếng Anh còn hạn chế của phần lớn các sinh viên tốt nghiệp QTKD cũng là một trở ngại đối với các nhà tuyển dụng. Một phần do các em thiếu nỗ lực nhưng phần lớn do số lượng giờ học tiếng Anh của các trường chưa nhiều. Điều này khiến sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp và sử dụng tiếng Anh hạn chế, nhất là trong giai đoạn hợp tác phát triển và hội nhập kinh tế.

Việc thực hành, thực tập, rèn luyện kỹ năng thực tế của sinh viên QTKD chưa được quan tâm đúng mức nên khi được tuyển dụng họ ít có kiến thức thực tiễn để làm việc được ngay. Điều này một phần do chương trình đào tạo không dành nhiều thời gian cho việc thực tập tại các doanh nghiệp, phần khác bài giảng của giáo viên ít có ví dụ thực tế và ý thức tự học hỏi của sinh viên chưa cao. Về phía các doanh nghiệp cũng không thật sự hoan nghênh, tạo điều kiện cho sinh viên đến thực tập, thu thập số liệu tại công ty của mình, chưa nói đến ít có doanh nghiệp nào tin tưởng chuyển giao một phần các dự án có tính chất nghiên cứu liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp cho các trường đại học với sự tham gia của các thầy giáo và sinh viên... Trong khi đặc thù của việc đào tạo QTKD luôn đòi hỏi sự gắn bó mật thiết với doanh nghiệp.<sup>9</sup>

Mặt khác, dù đã có những nhận thức về sự cần thiết phải thay đổi nhưng thực tế chương trình đào tạo QTKD tại phần lớn các trường đại học chưa được xây dựng trên nguyên tắc lấy sinh viên làm trung tâm, chưa coi trọng nhu cầu của xã hội và người học. Sinh viên không được chọn lựa các môn học (ngoài các môn kiến thức chuyên ngành bắt buộc) để phù hợp với nhu cầu, sở thích và khả năng của mình.

*Cơ sở vật chất đào tạo QTKD còn nghèo nàn*

Về cơ sở vật chất đầu tư cho ngành học QTKD thường rất ít so với các ngành học khác như kỹ thuật, công nghệ... Các phòng học ở một số đại học chưa được trang bị đầy đủ thiết bị giảng dạy hiện đại như máy tính, đèn chiếu... Hệ thống thư viện của các trường chủ yếu theo kiểu truyền thống, ít có thư viện điện tử (E-library) và thiếu tính chuyên nghiệp như không có đủ các phòng, để sinh viên học nhóm hoặc

giao lưu trao đổi bài ngoài giờ lên lớp. Mặc dù đầu tư vào các trang thiết bị trên không tốn kém nhiều so với các trang thiết bị thực hành của các ngành học kỹ thuật và không ngoài khả năng của các trường đại học nếu thấy được sự cần thiết.

Mặt khác, trong thời đại công nghệ thông tin, các nhà tuyển dụng cần sử dụng Internet để cập nhật thông tin về đào tạo QTKD, nhất là thông tin về chương trình, kết quả đào tạo, nhưng các cơ sở đào tạo QTKD vẫn chưa quan tâm đến nhu cầu chính đáng này. Phần lớn các trường vẫn chưa thiết lập các trang web giới thiệu về mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo, đề cương của từng môn học cụ thể và giới thiệu hình ảnh của sinh viên sẽ tốt nghiệp (graduated profile) để giúp cộng đồng doanh nghiệp có được các thông tin cần thiết về đối tượng cần tuyển dụng, vừa là một hình thức cam kết với họ về chất lượng đào tạo của mình, đồng thời tạo sức hút đối với sinh viên (khách hàng) tiềm năng.

### **3. Thu hẹp khoảng cách giữa nhà tuyển dụng và sinh viên quản trị kinh doanh**

Dự kiến năm 2010, nước ta sẽ có khoảng 500.000 doanh nghiệp và cần khoảng 2,7 triệu người lao động qua đào tạo các cấp<sup>10</sup>. Để có nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập ngày càng mạnh mẽ cần phải phát triển một hệ thống đào tạo có khả năng cung cấp cho xã hội một đội ngũ nhân lực đông đảo, trong đó có nhân lực QTKD. Đào tạo cử nhân QTKD phải trở thành một bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển đất nước. Do đó, hệ thống đào tạo cử nhân QTKD cần phải xác định đúng đắn mục tiêu, tái cấu trúc lại chương trình đào tạo, tập trung đào tạo những kỹ năng, kiến thức cần thiết cho sinh viên theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường trước mắt và lâu dài.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, hệ thống đào tạo cử nhân QTKD nước ta đồng thời phải thực hiện ba giải pháp chủ yếu (xem mô hình) nhằm thu hẹp khoảng cách giữa người tuyển dụng và sinh viên, đó là:

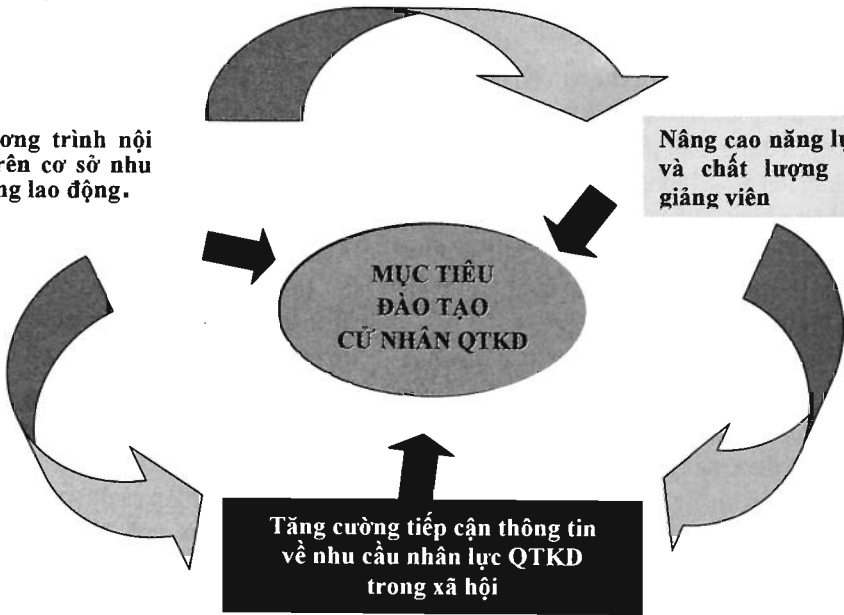
9. Lê Hiếu Học: *Đào tạo quản trị kinh doanh tại Việt Nam ra sao?*, <http://tuoitre.vn/>, 19 - 6 - 2005.

10. Đỗ Minh: *Năm 2010: Tạo thêm 2,7 triệu việc làm mới cho người lao động*, *vietnamnet*, 31 - 5 - 2008.

**Mô hình: 3 giải pháp chủ yếu đào tạo cử nhân QTKD để đáp ứng nhu cầu xã hội**

**Hoàn thiện chương trình nội dung đào tạo, trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động.**

**Nâng cao năng lực đào tạo và chất lượng đội ngũ giảng viên**



- Hoàn thiện chương trình nội dung đào tạo trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động và mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến, hiện đại của các trường đại học trên thế giới để có được một chương trình đào tạo cử nhân QTKD hấp dẫn với người học, đáp ứng được yêu cầu nhân lực của các doanh nghiệp và tạo khả năng cạnh tranh đối với các chương trình đào tạo của nước ngoài, trong điều kiện hội nhập và mở cửa thị trường giáo dục.

- Nâng cao năng lực đào tạo và chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo. Mặt khác phải nâng cấp cơ sở vật chất, tạo môi trường thuận lợi dạy và học đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Cần tăng cường tiếp cận nhu cầu nhân lực cử nhân QTKD trong xã hội về cơ cấu, kỹ năng, trình độ, ngành nghề, quy mô, số lượng nhằm điều chỉnh nội dung, chương trình, hình thức đào tạo cho phù hợp. Phát triển mạnh mẽ mô hình đào tạo cử nhân QTKD và các chứng chỉ chuyên ngành theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Đồng thời phải gắn bó xã hội và doanh nghiệp trong quá trình đào tạo như mời doanh nghiệp tham gia đào tạo, hỗ trợ thực tập, nội dung đào tạo, liên kết đào tạo theo kế hoạch. Ngoài ra, phối hợp với các doanh nghiệp mở chương trình định hướng cho sinh viên chuẩn bị ra trường (orientation program) bao gồm các huấn

luyện và giới thiệu cơ bản về công ty như chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, định hướng kinh doanh, kiến thức về sản phẩm, khách hàng, thị trường và đối thủ cạnh tranh và các chính sách của công ty...

Bên cạnh đó, các trường và khoa QTKD nên thiết lập trang web để giới thiệu cho xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động về hoạt động đào tạo và sản phẩm đào tạo của mình. Mặt khác, mỗi trường cần xúc tiến thành lập bộ phận thu xếp, liên hệ việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp vừa để nâng cao uy tín của trường vừa để thu hút sinh viên (khách hàng đào tạo tiềm năng) và nâng cao trách nhiệm đối với sinh viên và xã hội.

*Tài liệu tham khảo*

1. Hải Yến: Doanh nghiệp Việt bùng nổ sau khủng hoảng, *Tạp chí Tài chính*, 17 - 5 - 2010.
2. Lê Thị Thanh Mai: Nhóm ngành kinh tế vẫn thu hút thí sinh, <http://tuoitre.vn/>, 23 - 02 - 2010.
3. Nguyễn Như: Nhà tuyển dụng cần gì ở ứng viên, *Younge*, 23 - 4 - 2009.
4. Đan Thảo: Thành phố HCM: Nhân lực quản trị kinh doanh: thiếu và yếu, *Giáo dục & Thời đại online*, 28 - 01 - 2010.
5. [www.saga.vn](http://www.saga.vn/): Kỹ năng mềm có thể trở thành môn học bắt buộc?, 30 - 5 - 2009.
6. Lê Hiếu Học: Đào tạo quản trị Kinh doanh tại VN ra sao? <http://tuoitre.vn/>, 19 - 6 - 2005.
7. Đỗ Minh: Năm 2010: Tạo thêm 2,7 triệu việc làm mới cho người lao động, *vietnamnet*, 31 - 5 - 2008.